

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Bản án số: 278/2019/HC-PT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 22/10/2019

“V/v khiếu kiện Quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;
Ông Mai Anh Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại H, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc khởi kiện “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng”. Do Bản án số: 149/2018/HC-ST ngày 24 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9589/2019/QĐPT ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950.

Địa chỉ: tổ dân phố X, phường Y, quận Z, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn A1, Văn phòng luật sư G. Có mặt tại phiên tòa.

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân quận Z, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Z. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân phường Y.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C1 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Công ty cổ phần địa ốc Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C2. Vắng mặt.

Địa chỉ; phường Y, quận Z, thành phố H.

3. Anh Nguyễn Văn A2;

4. Anh Nguyễn Văn A3;

5. Anh Nguyễn Văn A4;

Đều có cùng địa chỉ: tổ dân phố X, phường Y, quận Z, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngày 21/3/2014, UBND huyện Z (nay là UBND quận Z) đã ban hành quyết định số 2272/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất tại xã Y” có nội dung thu hồi 246m² đất nông nghiệp thuộc thửa 467, tờ bản đồ số 18, xã Y đo vẽ năm 1994 do bà Nguyễn Thị A đại diện hộ gia đình (chồng là ông Nguyễn Đình A4 là người đứng tên trong GCNQSD đất đã chết) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu chức năng đô thị Y - giai đoạn 1. Ngày 28/3/2014, UBND huyện Z ban hành Quyết định 2790/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết” đối với hộ gia đình bà A với tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 244.278.000đ.

Bà Nguyễn Thị A đã khiếu nại 2 Quyết định nêu trên. Ngày 05/2/2016, bà nhận được Thông báo số 45/TB-UBND ngày 29/2/2016 của UBND quận Z về việc giải quyết khiếu nại.

2. Ngày 28/2/2016, bà Nguyễn Thị A khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND quận Z. Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà trình bày:

Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y là dự án xây dựng khu đô thị với mục đích thương mại, kinh doanh để thu lợi nhuận nên không thuộc trường hợp Nhà nước phải ra quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường mà thuộc trường hợp thỏa thuận giữa chủ đầu tư (Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Q) với hộ gia đình bà, nên UBND huyện Z ban hành 2 quyết định nêu trên là trái với điều 41 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, trái với Điều 3 Quy định về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố H được ban hành kèm theo quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Thu hồi, hủy bỏ quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Z và quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2790/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND huyện Z, TP H;

- Đề nghị Ủy ban nhân dân quận Z và Chủ đầu tư dự án là công ty CP đầu tư địa ốc Q tiến hành thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ với hộ gia đình bà theo quy định tại nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/1/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố H với mức giá đất nông nghiệp tại phường Y là 5.000.000 đồng/1m²; đề nghị Ủy ban nhân dân quận Z và chủ đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ về đất bị thu hồi cho gia đình bà với số tiền là 264m² x 5.000.000 đồng/1m² = 1.230.000.000đồng; trừ đi 239.112.000đồng gia đình đã nhận, số tiền còn lại phải bồi thường là 990.888.000 đồng.

3. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND quận Z trình bày:

Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y - giai đoạn 1 là dự án do Nhà nước thu hồi đất căn cứ công văn số 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 của UBND TP H về việc chấp thuận địa điểm cho công ty cổ phần đầu tư P (nay là công ty cổ phần đầu tư địa ốc Q) nghiên cứu lập và thực hiện dự án xây dựng khu đô thị chức năng Y tại xã Y và công văn số 4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2012 của UBND TP H về việc chấp thuận đầu tư dự án khu chức năng đô thị Y. Ngày 07/11/2011, UBND huyện Z đã có thông báo số 591/TB-UBND về việc thu hồi đất tại xã Y, huyện Z để thực hiện dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y.

UBND huyện Z (nay là quận Z), Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy trình, trình tự thu hồi đất giải phóng mặt bằng và bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 14/2009/TNMT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất; Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H về việc ban hành “Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H”; Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/1/2013 của UBND TP H về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định ban hành kèm theo Quyết định số: 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND TP H.

Ngày 20/8/2012, UBND huyện Z đã ban hành quyết định số 5747/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư dự án; ngày 21/8/2012, ban hành quyết định số 9065/QĐ-UBND ngày 09/12/2013 về việc điều chỉnh Chủ tịch Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án.

Ngày 16/01/2014, Tổ công tác đã tổ chức điều tra, kiểm đếm hiện trạng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4 (do ông Nguyễn Đình A4 đã mất, bà Nguyễn Thị A là vợ ông Nguyễn Đình A4 đã đại diện hộ gia đình đứng ra kiểm đếm hiện trạng và ký nhận tại Biên bản điều tra kiểm đếm số: 118/BB-TCT).

Ngày 17/01/2014, UBND xã Y (nay là UBND phường Y) đã thực hiện xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4. Căn cứ Biên bản điều tra của tổ công tác và phiếu xác nhận của UBND xã Y. Ngày 21/3/2014, UBND huyện Z ban hành quyết định số: 2272/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, ngày 28/3/2014, ban hành quyết định số: 2790/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với bà Nguyễn Thị A đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4 (ông Nguyễn Đình A4 đã chết) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 244.278.000đồng.

Quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện dự án đã triển khai theo trình tự thủ tục thu hồi đất, lập hồ sơ điều tra kiểm đếm hiện trạng trên đất, tài sản trên đất trong chỉ giới thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4 đại diện là bà Nguyễn Thị A theo thời điểm Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 31/3/2014, Chủ đầu tư đã phối hợp cùng UBND xã Y tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4. Bà Nguyễn Thị A đã đại diện cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình A4 đã có văn bản cam kết đồng ý phương án bồi thường, hỗ trợ (không thắc mắc, kiến nghị gì) và đề nghị UBND huyện Z phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Sau khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã đồng ý nhận tiền và ký biên bản bàn giao 246m² đất nông nghiệp trong chỉ giới giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y.

Người bị kiện cho rằng việc bà Nguyễn Thị A khởi kiện hủy 2 quyết định là không có căn cứ.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân phường Y (trước đây là xã Y) trình bày về quá trình thu hồi và bồi thường đã thực hiện đúng quy trình, như ý kiến người bị kiện. Xác nhận ngày 13/2/2014, bà A ký bản cam kết không có khiếu nại, thắc mắc, kiến nghị gì đối với việc thu hồi đất. Ngày 23/1/2014, UBND huyện Z ban hành quyết định số 2272/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và ngày 28/3/2014 ban hành quyết định 2790/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ bà A. Ngày 29/3/2014 tổ công tác lập biên bản giao 02 quyết định nêu trên kèm theo phương án bồi thường hỗ trợ. Ngày 31/3/2014, Chủ đầu tư đã chi trả số tiền bồi thường hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị A theo phương án đã được phê duyệt. Gia đình bà A xác nhận có trách nhiệm thu dọn cây cối hoa màu và đã ký biên bản nhận tiền theo phương án.

5. Các con của bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Đình A4 thống nhất ý kiến trình bày của bà A.

Tại Bản án số: 149/2018/HC-ST ngày 24/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố H, quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật người cao tuổi; Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 31 Luật khiếu nại; Điều 11, Điều 40, Điều 62, Điều 63 Luật đất đai năm 2003;

Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 19/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai 2003; Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Điều 3; Điều 29 đến Điều 33 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND TP H;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đề nghị hủy Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Z (nay là Ủy ban nhân dân quận Z) về việc thu hồi 246m² đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A tại xóm Tháp, xã Y và Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Z (nay là Ủy ban nhân dân quận Z) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị A khi thực hiện dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y - giai đoạn 1 xã Y, huyện Z.

2/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A yêu cầu Ủy ban nhân dân quận Z và Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Q phải tiếp tục bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số tiền 990.888.000đ.

3/ Về án phí: miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A được hoàn trả 300.000 tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số AB/2015/0009573 ngày 26/9/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ngày 10/12/2018, bà Nguyễn Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Bà cho rằng cùng dự án nhưng những hộ dân không chấp thuận giá đất do UBND bồi thường, sau này lại được Công ty bồi thường với giá đất cao hơn (2 triệu đồng/m²), như vậy là không công bằng.

Luật sư Nguyễn Văn A1 trình bày quan điểm bảo vệ quyền lợi cho bà Nguyễn Thị A với nội dung: Dự án xây dựng khu chức năng đô thị Y - giai đoạn 1 xã Y, huyện Z không phải dự án thuộc diện Nhà nước đứng ra thu hồi đất quy định tại Điều 38, Điều 39, khoản 1 Điều 40 mà thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật đất đai 2003 do dự án lấy đất của dân để xây dựng nhà, phân lô bán kiếm lời. Mặt khác, chủ trương thu hồi đất của UBND thành phố H chỉ thể hiện bằng công văn, nên UBND huyện Z ban hành quyết định thu hồi đất là không đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị A, hủy các Quyết định hành chính của UBND huyện Z (nay là UBND quận Z) là Quyết định số 2272/QĐ-UBND và Quyết định 2790/QĐ-UB để Công ty và hộ gia đình bà A thỏa thuận bồi thường về đất theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật đất đai 2003.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án với nội dung: Đây là dự án thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế, do Nhà nước đứng ra thu hồi và bồi thường nên UBND huyện Z ban hành các Quyết định thu hồi và Quyết định phê duyệt là đúng quy định của Luật đất đai 2003. Về giá đất, UBND huyện áp dụng Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố H quy định mức giá đất nông nghiệp là đúng, nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với các Quyết định hành chính của UBND huyện Z (nay là UBND quận Z) là Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 và Quyết định 2790/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ đương sự tham gia tố tụng.

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A:

[2.1] Về tính hợp pháp của các Quyết định số 2272/QĐ-UBND và Quyết định 790/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND huyện Z (nay là UBND quận Z):

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003 (khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013), Ủy ban nhân dân quận Z là cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất, nên UBND huyện Z ban hành các quyết định số 2272/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

- Xét kháng cáo của người khởi kiện về việc dự án không thuộc trường hợp UBND huyện Z đứng ra thu hồi đất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Điều 38, 39, 40, 62, 63 Luật đất đai năm 2003 và điểm đ, khoản 1, khoản 3 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ quy định: Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp “sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn”; “tất cả các trường hợp thu hồi đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đều phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông

thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt”. Điều 34 khoản 2 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Điều 4 khoản 2 Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/1/2010 của UBND thành phố H về các trường hợp thu hồi để thực hiện dự án khu đô thị mới gồm toàn bộ các dự án kinh tế (không phân biệt quy mô, loại hình) được thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Dự án khu chức năng đô thị Y tại xã Y đã được Ủy ban nhân dân thành phố H chấp thuận tại văn bản số 5352/UBND-KH&ĐT ngày 13/7/2010 cho Công ty cổ phần đầu tư P (nay là Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Q) nghiên cứu lập và thực hiện dự án. Ngày 06/7/2011, UBND huyện Z có Quyết định số 5797/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch chi tiết - tỷ lệ 1/500 khu chức năng đô thị Y, xã Y, huyện Z. Ngày 25/6/2012 UBND TP H có văn bản số 4859/UBND-KH&ĐT chấp thuận đầu tư dự án khu chức năng đô thị Y, huyện Z. Như vậy, đây là dự án phát triển đô thị thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, bà Nguyễn Thị A cho rằng dự án có mục đích kinh doanh thuộc trường hợp thỏa thuận bồi thường giữa chủ đầu tư và người bị thu hồi đất là không phù hợp với các quy định nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có cơ sở.

- Quá trình thu hồi đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ, UBND huyện Z đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính, cụ thể:

Đã có thông báo số 591/TB-UBND ngày 07/11/2011 về việc thu hồi; ngày 27/6/2012 Sở tài nguyên và Môi trường có văn bản số 2374/STNMT-KH&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện thủ tục thu hồi đất để giao đất thực hiện dự án khu chức năng đô thị Y - giai đoạn 1 và ngày 27/7/2012 đã có biên bản bàn giao mốc giới thực địa (tổng 53.443,6m²) cho chủ đầu tư phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án. Ngày 20/8/2012, UBND huyện Z ban hành quyết định số 5947/QĐ-UBND thành lập hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện Z; ngày 21/8/2013 ban hành quyết định và thành lập tổ công tác thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của dự án. Ngày 01/4/2014, quận Z được thành lập và ngày 23/4/2014, UBND quận Z đã ban hành quyết định số 203/QĐ-UBND thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư để tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án. Ngày 16/01/2014, tổ công tác Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư đã tổ chức điều tra kiểm đếm hiện trạng đối với gia đình ông Nguyễn Đình A4- bà Nguyễn Thị A. Bà A đại diện cho hộ gia đình đã đứng ra kê khai kiểm đếm hiện trạng và ký nhận tại biên bản điều tra kiểm đếm số 118/BB-TCT, xác nhận nội dung toàn bộ diện tích đất 246m² trồng rau muống chuyên canh thuộc phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng.

Ngày 17/1/2014, UBND xã Y (nay là UBND phường Y) đã thực hiện xác nhận nguồn gốc sử dụng 246 m² đất nông nghiệp đối với hộ gia đình bà A và ngày 29/3/2014 đã giao các Quyết định nêu trên cho bà Nguyễn Thị A. Ngày

31/3/2014, bà Nguyễn Thị A đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ và đã bàn giao mặt bằng (Bl 115).

- Căn cứ đề UBND huyện Z phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ là quy định tại Điều 38, 39 Luật đất đai năm 2003, điểm đ, khoản 1, khoản 3 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Điều 34 khoản 2 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, Điều 4 khoản 2 Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/1/2010 của Ủy ban nhân dân TP H về xác định loại đất và mức bồi thường hỗ trợ về đất; Căn cứ Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 63/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố H ngày 25/12/2013 và danh mục kèm theo quy định về giá bồi thường đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố H tại vị trí đất bị thu hồi của hộ bà A, UBND huyện Z đã phê duyệt bồi thường cho hộ gia đình 244.278.000đồng bao gồm các khoản:

+ Bồi thường hỗ trợ về đất nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP $246m^2 \times 162.000đ/m^2$ (tỷ lệ 100%)=39.852.000đ. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: $246m^2 \times 810.000đ/m^2$ (tỷ lệ 100%)=199.260.000đ. Thưởng tiến độ giải phóng mặt bằng: $246m^2 \times 3000đ/m^2$ (tỷ lệ 100%)=738.000đ.

+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu: 4.428.000đ.

+ Rau muống chuyên canh: $246m^2 \times 18.000đ$ (tỷ lệ 100%)=4.428.000đ.

Là đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Nguyễn Thị A.

Do đó, cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà A về việc Ủy ban nhân dân quận Z và Công ty cổ phần đầu tư Q tiếp tục bồi thường hỗ trợ thêm cho gia đình với số tiền 990.888.000 đồng như bà A yêu cầu.

[3] Bà Nguyễn Thị A kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu gì chứng minh việc UBND huyện Z đã thu hồi, bồi thường không đúng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà nên cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2018/HC-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng, được trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0006190 ngày 27/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại H;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương